

**CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN & THỰC PHẨM NOSAVI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN & THỰC PHẨM NOSAVI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH NÔNG SẢN & THỰC PHẨM NOSAVI

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703013343

**3. Ngày thành lập:** 15/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

592, đường Phú Lợi, tổ 1, khu phố 9, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0888018118

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn nông sản                                           | 4620        |
| 2.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                  | 4631        |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm nhập khẩu, thực phẩm tươi sống, thịt, cá, trái cây, bánh kẹo, sữa, đường, thực phẩm các loại | 4632(Chính) |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                | 4633        |
| 5.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                                           | 4634        |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                            | 4641        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                              | 4649        |
| 8.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô và xe có động cơ khác                                                                         | 7710        |
| 9.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                            | 4711        |
| 10. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                              | 4719        |
| 11. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                               | 4721        |
| 12. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4722        |
| 13. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                  | 4723        |
| 14. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4724        |
| 15. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                       | 4730        |
| 16. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                 | 1010        |
| 17. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                         | 1020        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                            | 1030 |
| 19. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                   | 1075 |
| 20. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                          | 1079 |
| 21. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                           | 1080 |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                          | 4774 |
| 23. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ                                                                                        | 4781 |
| 24. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                | 4782 |
| 25. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                              | 4789 |
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                 | 4791 |
| 27. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                            | 4799 |
| 28. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931 |
| 29. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932 |
| 30. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933 |
| 31. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210 |
| 32. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống                                                                           | 5610 |
| 33. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Cà phê giải khát                                                                                                                   | 5630 |
| 34. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751 |
| 35. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 36. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 37. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 38. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 39. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762 |
| 40. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |
| 41. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4764 |
| 42. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 43. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772 |
| 44. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: HỨA THỊ THU HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*

Sinh ngày: 28/04/1992

Dân tộc: Nùng

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 241303091

Ngày cấp: 16/08/2008

Nơi cấp: Công an Đắk Lắk

Địa chỉ thường trú: *Thôn 8, Xã Tân Hoà, Huyện Buôn Đôn, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *592, đường Phú Lợi, tổ 1, khu phố 9, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương